

**BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM  
BÁN NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020**

(Phụ lục 28 ban hành theo Thông tư số 183/2011/TT-BTChương dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:**

- a) Tên Quỹ, loại hình quỹ : Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Techcom (TCBF), Quỹ mở
- b) Mục tiêu đầu tư của quỹ : Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định.  
Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.
- c) Thời hạn hoạt động của quỹ : Không thời hạn
- d) Danh mục tham chiếu : Không áp dụng
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận : Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cùng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền). Nhà Đầu Tư có thể nhận cổ tức bằng tiền hoặc dùng để tái đầu tư.
- f) Số lượng chứng chỉ quỹ : 1.200.097.581,13 (thời điểm 30/06/2020)
- g) Nội dung thay đổi tại điều lệ quỹ trong kỳ (nếu có): Không có nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo.
- Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2019 lần thứ hai tổ chức ngày 19/05/2020 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau sửa đổi Điều lệ Quỹ như sau:

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư:

- Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2019 lần thứ hai tổ chức ngày 19/05/2020 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau(\*):

Điều 1:

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Quỹ tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 2:

Thông qua Báo cáo Ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 3:

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>

Điều 4:

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2019 Quỹ tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 5:

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2020 của Quỹ tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 6:

Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2020.

Điều 7:

Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2020 tại nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.

Điều 8:

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.

(\* ) Thông tin chi tiết được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;

Căn cứ vào thư xác nhận của Công ty quản lý quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>
Tiền gửi ngân hàng	1,16%	0,52%	7,50%
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (03) tháng	5,24%	2,94%	16,39%
Trái phiếu niêm yết	53,77%	67,08%	66,88%
Trái phiếu chưa niêm yết	9,63%	9,55%	0,00%

Chứng chỉ tiền gửi	13,16%	13,85%	7,01%
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	14,57%	3,46%	0,00%
Các khoản phải thu	2,46%	2,60%	2,23%
	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	17.046.549.944.843	11.487.464.040.037	2.626.710.231.374
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	1.200.097.581,13	870.674.034,20	215.099.479,78
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	14.204,30	13.193,75	12.211,60
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.204,30	13.193,75	12.211,60
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	13.767,78	12.735,25	11.781,61
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi nhận được	676.030.508.108	389.489.056.823	94.818.077.177
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	9.548.802.195	4.790.568.312	1.253.228.932
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	(69.346.026.812)	(9.348.797.606)	(5.538.073.425)
Doanh thu khác			38.258
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,62%	1,63%	1,67%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	86,43%	102,68%	103,42%

b) Chi tiêu lợi nhuận của Quỹ:

	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>3 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-4,13%	4,66%	270,05%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-9,31%	16,53%	49,76%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	7,66%	25,57%	42,04%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	7,66%	7,88%	7,27%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	22,91%	1259,40%	Không áp dụng

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, là thống nhất đã được phê duyệt bởi Ban đại diện Quỹ;

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Quỹ hoàn thành mục tiêu mang lại lợi nhuận dài hạn đều đặn cho các Nhà Đầu tư.

Theo báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 7,66% so với thời điểm 30 tháng 06 năm 2019 .

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Quỹ không thay đổi chiến lược trong kỳ báo cáo. Chiến lược Quỹ sử dụng trong kỳ báo cáo là chiến lược đã được công bố thông tin tại Bản cáo bạch.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thông tin về cơ cấu danh mục tham khảo tại mục a) phần 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ nêu trên. So với danh mục tại thời điểm 30/06/2019, tại thời điểm 30/06/2020 Quỹ tăng đáng kể tỷ trọng đầu tư vào hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất; Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...

- Đánh giá biến động của thị trường trong kỳ báo cáo:

*Kinh tế vĩ mô H1 năm 2020*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2020 ước tính tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020 (Quý II/2020 ước tính tăng 0,36%). Kinh tế - xã hội nước ta 6 tháng đầu năm diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Những nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu đang đối mặt với tình trạng suy thoái kinh tế sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua; thương mại toàn cầu tiếp tục suy giảm, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, giá dầu thô giảm mạnh do nhu cầu sử dụng hạn chế; thất nghiệp tăng cao. Theo các tổ chức quốc tế và thể chế tài chính, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ rơi vào suy thoái trong năm 2020. Cùng với đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng chính trị gia tăng giữa Mỹ - Iran, bất đồng nội bộ trong tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và trên bán đảo Triều Tiên đã tác động tiêu cực đến kinh tế Việt Nam. Trong mức tăng trưởng 1,81% trong 6 tháng đầu năm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,19%, đóng góp 11,89% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,98%, đóng góp 73,14%; khu vực dịch vụ tăng 0,57%, đóng góp 14,97%. Động lực chính cho tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm là công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 4,96%) và các ngành dịch vụ thị trường (Bán buôn và bán lẻ tăng 4,3%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%).

Kim ngạch xuất, nhập khẩu nhiều mặt hàng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới, đặc biệt tại các nước đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 238,4 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 1,1%; nhập khẩu giảm 3%. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm xuất siêu ước tính đạt 4 tỷ USD.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong quý II bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,7 tỷ USD, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 1.418 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt gần 8,5 tỷ USD, giảm 17,7% về số dự án và tăng 13,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 526 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 3,7 tỷ USD, tăng 26,8%; có 4.125 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 3,5 tỷ USD, giảm 56,8%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 866 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ

của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 1,6 tỷ USD và 3.259 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,9 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 6 tháng đầu năm ước tính đạt 8,65 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2020 tăng 0,66% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu tăng cao 3 đợt liên tiếp sau chuỗi giảm kéo dài kể từ Tết Nguyên đán và giá thịt lợn tiếp tục tăng trong những ngày đầu tháng 6, mặc dù vậy chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2020 vẫn giảm 0,59% so với tháng 12 năm trước - mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020. Trong mức tăng 0,66% của CPI tháng 6/2020 so với tháng trước, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020, có 7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá tăng, trong đó nhóm giao thông tăng cao nhất. CPI quý II/2020 giảm 1,87% so với quý trước và tăng 2,83% so với cùng kỳ năm 2019. CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,19% so với bình quân cùng kỳ năm 2019. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 2,81% so với bình quân cùng kỳ năm 2019.

### *Thị trường trái phiếu năm 2020*

Trong tháng 1, Lợi suất trái phiếu Chính phủ giảm nhanh trong nửa đầu của tháng, sau đó bật tăng trở lại ở thời điểm Ngân hàng Nhà nước bắt đầu phát hành tín phiếu và biến động đi ngang cho tới cuối tháng. Sau đó lãi suất tiếp tục giảm nhanh và giảm tốc cho tới giữa tháng 3, trước khi bật tăng mạnh và duy trì xu hướng tăng cho tới cuối quý. Biến động lớn của lợi suất trái phiếu chính phủ được giải thích bởi các nguyên nhân sau:

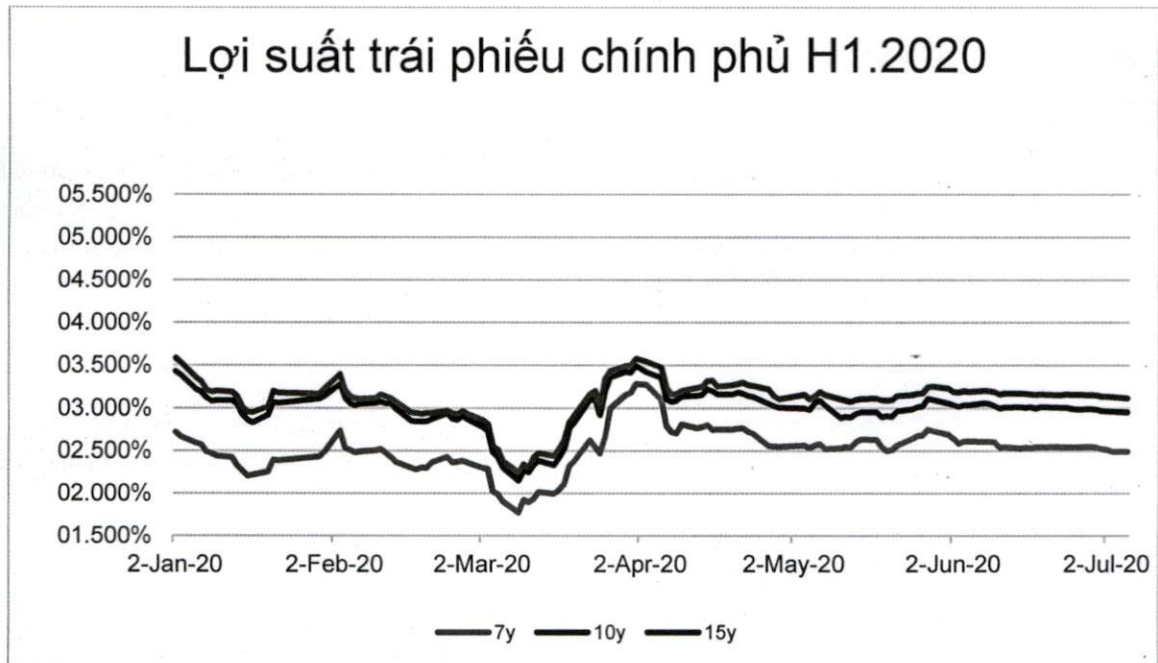
- Kỳ vọng SBV cắt giảm mạnh lãi suất điều hành trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp: Việc Fed bắt ngờ giảm lãi suất điều hành vào đầu ngày 03/03 đã kéo theo làn sóng hạ lãi suất của một loạt các NHTW trên thế giới cùng với các gói cứu trợ kinh tế khởi đại dịch Covid. Trong khi đó tại thời điểm đầu tháng 3, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn chưa có bất kỳ động thái can thiệp nào, do đó hoàn toàn có cơ sở kỳ vọng việc SBV sẽ giảm lãi suất theo xu hướng chung của thế giới. Ngày 17/03, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố hạ một số lãi suất điều hành, trong đó lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) giảm từ 4% xuống 3.5% (-50bps), lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 5% (-100bps), lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4% xuống 3.5% (-50bps), đồng thời hạ trần lãi suất huy động và cho vay các kỳ hạn và tăng nhẹ lãi suất đối với tiền gửi dữ trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước nhằm ứng phó với đại dịch Covid 19. Tuy nhiên, việc FED giảm lãi suất hay việc Ngân hàng Nhà nước có can thiệp chính thức cũng đã được thị trường dự báo và phản ánh trong các phiên giao dịch trước. Cùng với đó, tâm lý thận trọng của nhà đầu tư đã khiến lực bán trên thị trường tăng mạnh trong khi lực cầu yếu khiến lãi suất bật tăng.

- Áp lực ghi nhận lợi nhuận trong tháng cuối quý của khối Ngân hàng thương mại: Trước ngưỡng tâm lý khi vùng lãi suất đã ở mức rất thấp cùng với nhu cầu chốt lời vào dịp cuối Quý đã tạo áp lực đẩy lợi suất giao dịch trên thị trường thứ cấp tăng mạnh. Bên cạnh đó, do biên độ dao động lãi suất tại mỗi phiên trong tháng là rất lớn (15-30bps) đã khiến nhiều nhà đầu tư chạm mức chốt lỗ, khiến lực bán ngày càng áp đảo và lợi suất giao dịch vì thế tăng rất nhanh trong một thời gian ngắn

- Tỷ giá liên ngân hàng tăng mạnh trong tháng 3: Tỷ giá USD tăng mạnh trong tháng 3 trong khi duy trì mặt bằng khá ổn định quanh 23,170 đồng - 23,300 đồng trong 2 tháng đầu năm. Đặc biệt trong ngày 19/03 tỷ giá đã tăng đột biến 100 đồng từ 23,350 đồng lên 23,450 đồng, sau đó liên tục leo thang và có thời điểm đã lên tới 23,760 đồng, khiến lo ngại của các nhà đầu tư đặc biệt tăng cao, lợi suất trái phiếu vì thế tăng nhanh theo tỷ giá. Ngày 31/03, tỷ giá đang giao dịch tại mức 23,720 VND/USD. Như vậy, giá trị VND đã giảm -2.07% YTD và -2.02% YoY.

Trong tháng 4, Lợi suất trái phiếu Chính phủ dao động trong biên độ tương đối lớn khoảng 40-70bps đối với các kỳ hạn dưới 15 năm và 10bps đối với kỳ hạn 20 năm và 30 năm. Tuy nhiên lợi suất chỉ giảm mạnh trong

tuần đầu tháng 4 trong khi giảm nhẹ và gần như đi ngang trong 3 tuần còn lại của tháng. Trong tháng 5, lợi suất trái phiếu Chính phủ tiếp tục duy trì xu hướng giảm với các kỳ hạn từ 5 năm trở xuống, đặc biệt là các kỳ hạn 1-2 năm với mức giảm lên đến 50 – 100bps. Ngược lại, các kỳ hạn từ 7 - 15 năm tăng từ 10 – 15bps. Trong khi đó, các kỳ hạn 20 năm và 30 năm dao động nhẹ, tăng từ 3 – 5bps. Trong tháng 6, thanh khoản thị trường suy giảm, lợi suất biến động nhẹ ở các kỳ hạn và gần như đi ngang.



- Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 30 tháng 06 năm 2018
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi nhận được	<b>676.030.508.108</b>	<b>389.489.056.823</b>	<b>94.818.077.177</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	93.608.396.174	18.191.468.309	461.769.404
Lãi chứng chỉ tiền gửi	128.808.287.672	41.795.114.156	16.126.777.779
Lãi trái phiếu	453.613.824.262	329.502.474.358	78.229.529.994
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	<b>9.548.802.195</b>	<b>4.790.568.312</b>	<b>1.253.228.932</b>
Trái phiếu	680.888.943	3.462.959.035	1.161.192.153
Chứng chỉ tiền gửi	8.867.913.252	1.327.609.277	92.036.779
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	<b>(69.346.026.812)</b>	<b>(9.348.797.606)</b>	<b>(5.538.073.425)</b>
Doanh thu khác			<b>38.258</b>

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

#### **4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư trái phiếu Techcom (TCBF) đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch : Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Mục d, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó. Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư trong thời hạn cho phép theo quy định pháp luật.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục d, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

c) Việc xác định giá, đánh giá tài sản ròng của Quỹ: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.



d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 656.493.850,76 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 6.564.938.507.600 đồng.
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: Quỹ mua lại 572.290.138,22 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 5.722.901.382.200 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

## 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2020	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2019	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2018
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	8.878.687.497	5.665.157.949	1.332.273.858
Tổng chi phí hoạt động (2)	125.598.901.935	71.929.217.840	17.301.678.380
% Tổng chi phí hoạt động = (1)/(2)	7,07%	7,88%	7,70%
Tổng Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện (3)	490.137.034.546	312.437.779.935	73.023.410.277
% Lợi nhuận = (1)/(3)	1,81%	1,81%	1,82%
Tổng Thu nhập đã thực hiện và chưa thực hiện của Quỹ (4)	616.233.283.491	384.930.827.529	90.533.232.684
% Thu nhập của Quỹ = (1)/(4)	1,44%	1,47%	1,47%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2020	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2019	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2018
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	8.878.687.497	5.665.157.949	1.332.273.858
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	2.710.427.341	2.184.201.953	307.238.104
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	166.545.000	78.510.000	11.150.000
Phí dịch vụ giám sát	2.555.545.780	1.441.573.282	563.269.863
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	3.446.169.376	1.960.872.714	450.615.891

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

Theo đánh giá của chúng tôi, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng nhận ủy quyền cho Quỹ TCBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đặng Lưu Dũng**